

Số: 396/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Tờ trình số 11862/TTr-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc phê duyệt kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, PTTgCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).¹¹⁰

**KT, THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Chính sách, giải pháp và nguồn lực triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Kèm theo Quyết định số 396 /QĐ-TTg
ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng lộ trình triển khai lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực đường sắt giai đoạn đến năm 2030 để cụ thể hóa quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là quy hoạch);
- Lập kế hoạch đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có và xây dựng các tuyến đường sắt mới theo quy hoạch, dự kiến nhu cầu sử dụng đất;
- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, chính sách, giải pháp và huy động nguồn lực gắn với trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong việc triển khai thực hiện quy hoạch, phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch;
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc bố trí nguồn lực đầu tư phát triển, quản lý, bảo trì, khai thác mạng lưới đường sắt.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với kế hoạch đầu tư chung của ngành giao thông vận tải giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025; liên kết, thống nhất giữa kế hoạch thực hiện của lĩnh vực đường sắt với các lĩnh vực giao thông khác (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, hàng không), phát huy lợi thế về vận tải khối lượng lớn của vận tải đường sắt.
- Đồng bộ giữa kế hoạch với nguồn lực, giải pháp, chính sách thực hiện; đảm bảo tính khả thi trong triển khai, chú trọng tính đặc thù của lĩnh vực đường sắt.

3. Phạm vi, đối tượng

- Phạm vi: thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030, phù hợp với thời kỳ quy hoạch mạng lưới đường sắt được duyệt.

- Đối tượng: các tuyến, ga đường sắt được quy hoạch đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2030.

II. NỘI DUNG

1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch

a) Kế hoạch lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

- Nguyên tắc

+ Đối tượng của quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Nội dung của quy hoạch tuyến, ga đường sắt thực hiện theo Điều 3 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến Luật Quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2018);

+ Ưu tiên thực hiện đối với các tuyến đường sắt chưa chuẩn bị đầu tư, lộ trình đầu tư trước năm 2030; các tuyến đường sắt đang khai thác, việc quản lý được thực hiện theo hành lang an toàn đường sắt;

+ Các tuyến đường sắt mới đã, đang thực hiện chuẩn bị đầu tư hoặc thực hiện đầu tư sẽ được cập nhật và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Nội dung

+ Tổ chức triển khai lập quy hoạch đối với các tuyến, ga đường sắt được quy hoạch trong giai đoạn đến năm 2030, cụ thể như sau:

. 03 quy hoạch tuyến, ga đường sắt khu vực đầu mối thành phố Hà Nội, khu vực đầu mối Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực đầu mối thành phố Hải Phòng;

. Quy hoạch tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (bao gồm cả đoạn nối đến Hạ Long);

. Quy hoạch các ga đường sắt quốc gia trong đô thị, ga đầu mối đường sắt quốc gia, ga liên vận quốc tế (trừ các ga đã có trong quy hoạch các khu đầu mối thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng);

. Các tuyến đường sắt đang chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư được cập nhật thành quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành (tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, ...).

+ Giao Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm rà soát chi tiết các tuyến, ga đường sắt để đưa vào các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nêu trên cho phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ của quy hoạch.

+ Nguồn vốn: sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Thời gian thực hiện: năm 2022 - 2025.

b) Kế hoạch đầu tư dự án

- Nguyên tắc

+ Thực hiện các mục tiêu của quy hoạch, danh mục các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021 - 2030 của quy hoạch mạng lưới đường sắt; Kết luận số 49-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Phù hợp mức vốn được phân bổ trong kế hoạch trung hạn (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), phần còn lại sẽ được huy động bằng các nguồn vốn hợp pháp khác;

+ Tiến độ đầu tư các đoạn tuyến trong kế hoạch là dự kiến, tiến độ cụ thể sẽ được xác định và phê duyệt cụ thể trong bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án.

- Nội dung

+ Đối với đường sắt hiện có

. Bộ Giao thông vận tải tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn tuyến, ga đường sắt trên các tuyến đường sắt hiện có đã được xác định nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 - 2020, giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; các dự án bảo đảm an toàn giao thông (xây dựng các đường ngang, hầm chui, xóa lối đi tự mở,... theo Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

. Các tuyến đường sắt có tiến trình đầu tư trước năm 2030, chưa xác định được nguồn vốn đầu tư, giao Bộ Giao thông vận tải lập danh mục để kêu gọi đầu tư.

. Các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030 hoặc giai đoạn sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận kế hoạch đầu tư sớm hơn.

+ Đối với đường sắt mới

. Bộ Giao thông vận tải tiếp tục chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (đến năm 2025, phân đấu hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án); tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ; các tuyến đường sắt kết nối với đầu mối vận tải có lưu lượng lớn (tuyến đường sắt Biên Hòa

- Vũng Tàu, kết nối cảng biển quốc tế Cái Mép - Thị Vải; tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành kết nối sân bay quốc tế Long Thành; tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng kết nối với cảng biển quốc tế Lạch Huyện); xây dựng mới đoạn tuyến đường sắt nối ray Ga Lào Cai với Ga Hà Khẩu Bắc, kết nối liên vận quốc tế với Trung Quốc và một số nước; chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân.

. Các tuyến đường sắt có tiến trình đầu tư trước năm 2030, chưa xác định được nguồn vốn đầu tư, giao Bộ Giao thông vận tải lập danh mục để kêu gọi đầu tư.

+ Đối với đường sắt trong khu đầu mối thành phố Hà Nội: Bộ Giao thông vận tải bàn giao hồ sơ dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1 đoạn Yên Viên - Ngọc Hồi cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để tiếp tục nghiên cứu, đầu tư; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các địa phương liên quan triển khai nghiên cứu phương án tổ chức vận tải trong khu đầu mối; xác định lộ trình đầu tư Khu tổ hợp Ngọc Hồi, tuyến đường sắt vành đai phía Đông để thống nhất thời điểm bàn giao các đoạn đường sắt quốc gia cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đầu tư.

+ Đối với các tuyến đường sắt kết nối với đường sắt quốc gia: các địa phương triển khai đầu tư tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực.

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

c) Dự kiến nhu cầu (kế hoạch) sử dụng đất

- Nguyên tắc

+ Dự kiến nhu cầu sử dụng đất được tính toán theo danh mục dự kiến đầu tư giai đoạn 2021 - 2030.

+ Quản lý quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia, kế hoạch sử dụng đất tại các địa phương.

- Nội dung

+ Tổng nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch mạng lưới đường sắt đến năm 2050 dự kiến là 25.836 ha, trong đó giai đoạn 2021 - 2030 là 16.377 ha, quỹ đất tăng thêm so với hiện nay là 5.644 ha.

+ Giao Bộ Giao thông vận tải trong quá trình lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và chuẩn bị đầu tư các dự án sẽ tiếp tục rà soát, chuẩn xác chi tiết nhu cầu sử dụng đất, phân kỳ đầu tư phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15.

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

2. Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch

Nhà nước ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển, nâng cấp, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nhằm đảm bảo vận tải đường sắt đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giao thông vận tải cả nước.

Huy động mọi nguồn lực thực hiện đầu tư các dự án trong danh mục kế hoạch đầu tư kèm theo Quyết định này, cụ thể:

- Giai đoạn 2021 - 2025: bố trí 15.924 tỷ đồng từ nguồn đầu tư công cho lĩnh vực đường sắt để thực hiện các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ trung hạn; khởi công mới một số dự án và chuẩn bị đầu tư các dự án của kỳ trung hạn tiếp theo. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để đầu tư các dự án đường sắt theo quy hoạch.

- Giai đoạn 2026 - 2030: dự kiến nhu cầu khoảng 224.076 tỷ đồng, huy động từ nguồn vốn đầu tư công (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và vốn hợp pháp khác để đầu tư theo danh mục kế hoạch chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư của kỳ kế hoạch 2021 - 2030.

3. Chính sách, giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Chính sách, giải pháp về thu hút đầu tư phát triển

- Giải pháp hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật

+ Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thuế ưu đãi đối với các doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh đường sắt đô thị, công nghiệp đường sắt trong Luật Đất đai (xem xét sửa đổi, bổ sung 03 Điều 54, 110, 210); quy định về miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện giao thông đường sắt, nguyên liệu, vật tư chế tạo máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động đường sắt mà trong nước chưa sản xuất được theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 16) để đồng bộ với các chính sách ưu đãi theo quy định của Luật Đường sắt.

+ Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ đối với nội dung quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt khi được giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

+ Nghiên cứu, bổ sung danh mục dự án đầu tư mua sắm phương tiện giao thông đường sắt, máy móc, thiết bị phục vụ duy tu bảo dưỡng đường sắt mà trong nước chưa sản xuất được (Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ).

+ Nghiên cứu điều chỉnh quy định phương pháp xác định giá cho thuê, giá chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (Thông tư số 47/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018) để đồng bộ với nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

+ Sửa đổi quy định phân cấp cho chính quyền địa phương về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động vận tải đường sắt để phù hợp với Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ; nghiên cứu phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về an toàn giao thông tại các đường ngang trên địa bàn quản lý (nghiên cứu sửa Điều 17 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt).

+ Nghiên cứu, ban hành chính sách phát triển công nghiệp đường sắt và công nghiệp phụ trợ tạo tiền đề phát triển lĩnh vực đường sắt. Xác định mục tiêu, giải pháp về phát triển công nghiệp đường sắt trong chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu sửa đổi bổ sung tiêu chí xác định tuyến chạy tàu an sinh xã hội (Quy định tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ).

- Giải pháp thu hút vốn đầu tư

+ Nghiên cứu bổ sung quy định địa phương được phép sử dụng ngân sách địa phương để cải tạo, nâng cấp, đầu tư kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Quy định tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ);

+ Nghiên cứu bổ sung quy định pháp luật về đất đai để địa phương sử dụng quỹ đất quy hoạch tại khu vực nhà ga đường sắt quốc gia tạo nguồn lực tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

+ Tăng cường giao Ủy ban nhân dân các tỉnh là cơ quan có thẩm quyền thực hiện đầu tư các tuyến đường sắt, ngân sách trung ương tham gia hỗ trợ với tỷ lệ thích đáng để tăng tính khả thi của phương án tài chính.

b) Chính sách, giải pháp bảo đảm nguồn lực tài chính

- Bảo đảm tỷ lệ cơ cấu nguồn vốn nhà nước hợp lý cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt trong cơ cấu tổng nguồn vốn của ngành giao thông vận tải để thực hiện các mục tiêu quy hoạch đến năm 2030 (nhất là mục tiêu triển khai đầu tư đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam).

- Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế để phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong kinh doanh đường sắt, dịch vụ hỗ trợ vận tải; thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh phương tiện vận tải, các công trình hỗ trợ cho hoạt động vận tải (kho, bãi hàng, phương tiện xếp dỡ...).

c) Chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, đào tạo nhân lực chuyên sâu phục vụ công tác quản lý, xây dựng, vận hành thông qua các cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo (Viện, trường, trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp,...).

- Nghiên cứu nâng cấp, thành lập cơ sở đào tạo, nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực đường sắt (đặc biệt đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị) để đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển đường sắt.

- Tiếp tục nghiên cứu chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với người lao động làm việc trong điều kiện đặc thù của ngành đường sắt, vùng khó khăn.

d) Chính sách, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu chính sách khuyến khích việc ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ mới, vật liệu mới, hiện đại trong đầu tư xây dựng, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng, công nghiệp và dịch vụ đường sắt.

- Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, chuyển đổi hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động đường sắt.

- Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, bảo trì, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt, phương tiện kinh doanh vận tải đường sắt; tích hợp liên thông hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt quốc gia với các hệ thống giám sát điều khiển đường ngang. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực đường sắt theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Phát triển các nền tảng cho các dịch vụ vận tải và logistics nhằm kết nối giữa chủ hàng, nhà giao vận và khách hàng; hoàn thiện trung tâm điều hành vận tải đường sắt (OCC), hệ thống thông tin bán vé đường sắt bảo đảm kết nối liên thông dữ liệu với các hệ thống thông tin bên ngoài để phục vụ phát triển hệ sinh thái dịch vụ vận tải công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin quản lý kho bãi, phương tiện để cung cấp dịch vụ logistics trên nền tảng số tạo điều kiện cho chủ hàng có thể tìm ra phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa và các kho bãi chính xác cũng như hỗ trợ việc đóng gói và hỗ trợ đăng ký, hoàn thiện các quá trình xử lý các văn bản hành chính liên quan.

d) Chính sách, giải pháp triển công nghiệp đường sắt

- Nghiên cứu, thực hiện chuyển giao công nghệ, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị trong quá trình thực hiện đầu tư các dự án liên quan.

- Xây dựng chính sách, nguyên tắc ràng buộc ngay từ bước chuẩn bị dự án để giúp các doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi cung ứng vật tư, phụ kiện, sản phẩm từng công đoạn,... Khuyến khích các ngành công nghiệp khác trong nước tham gia chuỗi sản xuất công nghiệp đường sắt, đặc biệt là ngành cơ khí phụ trợ.

- Tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, công nghệ để đủ năng lực đóng mới các chủng loại toa xe, đại tu và lắp ráp đầu máy trong nước cho đường sắt quốc gia, sửa chữa đại tu các đoàn tàu đường sắt đô thị.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để mở rộng công nghiệp đường sắt, liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để huy động vốn, chuyển giao công nghệ, tiếp cận và áp dụng công nghệ, phương tiện kỹ thuật mới.

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp đường sắt đầu tư nhập khẩu dây chuyền công nghệ mới hiện đại của các nước tiên tiến, theo chương trình cơ khí trọng điểm để hình thành các cơ sở công nghiệp lắp ráp đầu máy, sản xuất toa xe và các phụ tùng, phụ kiện đường sắt, từng bước thay thế các phương tiện vận tải lạc hậu, công suất nhỏ, tiêu tốn năng lượng.

e) Chính sách, giải pháp bảo đảm an sinh xã hội

Hoàn thiện các quy định, định mức hoạt động vận tải đường sắt phục vụ nhiệm vụ đặc biệt như khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, dịch bệnh, nhiệm vụ khẩn cấp về quốc phòng, an ninh; vận tải phục vụ an sinh xã hội theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp đủ chi phí hợp lý của doanh nghiệp vận tải đường sắt.

g) Chính sách, giải pháp bảo vệ môi trường

- Tăng cường kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường do hoạt động giao thông vận tải đường sắt nhất là xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng điện, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng thay thế khác trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt.

- Tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt. Việc xây dựng mới các tuyến đường sắt tránh đi qua các khu vực nhạy cảm về môi trường như vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và các khu vực di tích lịch sử - văn hóa; trường hợp khó khăn cần có phương án bồi hoàn hệ sinh thái phù hợp.

h) Chính sách, giải pháp về hợp tác quốc tế

- Mở rộng hợp tác quốc tế về lĩnh vực đường sắt tại các khuôn khổ đa phương như Hiệp hội đường sắt quốc tế, Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS); tăng cường lồng ghép, quảng bá, giới thiệu về lĩnh vực đường sắt trong hoạt động thông tin đối ngoại. Đặc biệt mở rộng hợp tác quốc tế, đặc biệt là với các nước có đường sắt phát triển để tiếp thu khoa học công nghệ, kinh nghiệm phát triển, quản lý xây dựng, vận hành, khai thác hệ thống giao thông đường sắt.

- Tích cực phối hợp với các cơ quan và địa phương trong việc thúc đẩy triển khai các dự án kết nối hạ tầng giao thông vận tải đường sắt giữa Việt Nam với các nước như Lào, Campuchia, Trung Quốc. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các hiệp định và thỏa thuận đã ký kết.

- Tiếp tục triển khai sửa đổi Hiệp định đường sắt biên giới Việt - Trung; duy trì và phát triển vận tải đường sắt liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Trung Quốc và quá cảnh qua Trung Quốc đến các nước trong khối OSJD và Châu Âu.

- Đàm phán và thống nhất với phía Trung Quốc điểm nối ray Lào Cai (Việt Nam) - Hà Khẩu (Trung Quốc), phối hợp triển khai xây dựng để tăng cường kết nối tạo thuận lợi cho vận tải đường sắt qua biên giới.

i) Một số giải pháp khác

- Kiện toàn mô hình tổ chức quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt. Tăng cường trách nhiệm quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về đường sắt; thực hiện triệt để tách bạch giữa quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giữa kinh doanh kết cấu hạ tầng và kinh doanh vận tải trên đường sắt do Nhà nước đầu tư.

- Tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các thành phần tham gia kinh doanh vận tải. Xây dựng hệ thống giá cước, phí, lệ phí làm công cụ điều tiết vĩ mô, định hướng cho việc phát triển hợp lý giao thông vận tải đường sắt.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đảm bảo, trật tự an toàn giao thông đường sắt (đặc biệt tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt).

(Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới đường sắt. Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đường sắt giai đoạn đến năm 2030.

- Chủ trì tổng kết rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đường sắt năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; nghiên cứu xây dựng các đề án nhằm thực hiện các giải pháp đã được đề cập ở trên nhằm tạo thuận lợi trong hoạt động đầu tư, quản lý, bảo trì, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực đường sắt.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bố trí ngân sách trung hạn, hàng năm thực hiện quy hoạch phát triển đường sắt.

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện đàm phán và sửa đổi các hiệp định, thỏa thuận quốc tế đã ký kết.

- Phối hợp với các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Ngoại giao, Quốc phòng trong việc phát triển nguồn nhân lực, định hướng phát triển công nghiệp đường sắt, hợp tác quốc tế, kết nối đường sắt với các nước trong khu vực.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy định pháp luật, quy hoạch nhằm tạo điều kiện cho địa phương dành quỹ đất quy hoạch tại khu vực nhà ga đường sắt để phát triển đô thị, các khu chức năng (mô hình TOD) tạo nguồn lực tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt; nghiên cứu triển khai các công trình trên địa bàn để kết nối các ga đường sắt.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư phát triển, Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên để quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách để huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt (nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi hàng năm; nguồn lực từ quỹ đất; nguồn lực từ nhượng quyền, cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt; nguồn lực vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; nguồn lực từ tư nhân bằng nhiều hình thức, phương thức, hợp đồng,...); chính sách liên quan đến ưu đãi thuế, giá, phí dịch vụ đường sắt, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh rà soát, nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đảm bảo khai thác hiệu quả quỹ đất khu vực xung quanh các khu ga, tạo nguồn lực đầu tư phát triển đường sắt; đưa chính sách khai thác quỹ đất vào nội dung sửa đổi Luật Đất đai; trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch mạng lưới đường

sắt; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hoàn thiện chính sách ưu đãi về sử dụng đất xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt, công nghiệp đường sắt; xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng đất dành cho đường sắt, đất thuộc chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt và bảo vệ đất dành cho đường sắt.

4. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, nghiên cứu sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động logistics; quản lý việc sản xuất, đóng mới, nhập khẩu phương tiện vận tải đường sắt theo quy định; nghiên cứu xây dựng đề án cung cấp điện, bảo đảm nguồn điện ổn định cho đường sắt điện khí hóa và hệ thống thông tin - tín hiệu. Nghiên cứu bổ sung nội dung liên quan đến phát triển công nghiệp đường sắt, công nghiệp phụ trợ trong định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý, xây dựng, vận hành đường sắt thông qua thành lập cơ sở đào tạo, nghiên cứu, thực nghiệm chuyên sâu về lĩnh vực đường sắt. Hợp tác đào tạo, thu hút chuyên gia về đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, từng bước làm chủ các công nghệ cốt lõi... Ưu tiên dành chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài về chuyên ngành đường sắt.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm các công nghệ mới, vật liệu mới trong đầu tư xây dựng, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng, công nghiệp và dịch vụ đường sắt; ban hành tiêu chuẩn về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đối với phương tiện vận tải đường sắt.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng đổi mới chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu đề xuất chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với người lao động làm việc trong điều kiện đặc thù của ngành đường sắt, đặc biệt ở các vùng khó khăn.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật trong phạm vi địa phương; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch.

- Rà soát các quy hoạch, các dự án trên địa bàn địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Trong quá trình lập quy hoạch tỉnh cập nhật quy hoạch các tuyến đường sắt kết nối cảng biển, cảng cạn, cảng thủy nội địa, các khu kinh tế, khu du lịch... trên địa bàn với đường sắt quốc gia theo định hướng kết nối tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Quy hoạch quỹ đất thích hợp tại các khu vực ga đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị để phát triển các đô thị, khu công nghiệp, cảng cạn, khu logistic...

- Chủ động huy động nguồn vốn hợp pháp để đầu tư các kết nối từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, các cảng biển lớn, cảng cạn, cảng thủy nội địa, khu kinh tế, khu du lịch... kết nối vào mạng lưới đường sắt quốc gia, cũng như tham gia hỗ trợ đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia qua địa bàn.



Phụ lục I

DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Chiều dài dự kiến (km)	Ưu tiên đầu tư	Dự kiến tiến độ đầu tư	
				2021 - 2025	2026 - 2030
1	Cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng các tuyến, ga đường sắt hiện có	2.440	x	x	x
2	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (phần xây dựng kết cấu hạ tầng)	1.545	x	x	x
3	Tuyến Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	129	x	x	x
4	Xây dựng mới đoạn nối ray Ga Lào Cai với Ga Hà Khẩu Bắc	2,85	x	x	x
5	Tuyến vành đai phía Đông thành phố Hà Nội (Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng)	59	x	x	x
6	Tuyến Hà Nội - Hải Phòng (thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng)	102	x	x	x
7	Tuyến Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ	103		x	x
8	Tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu	84	x	x	x
9	Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	174	x	x	x
10	Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh	128		x	x
11	Tuyến Thủ Thiêm - Long Thành	38	x	x	x



Phụ lục II
DỰ KIẾN NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số **196/QĐ-TTg** ngày **17** tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục dự án đầu tư	Chiều dài (km)	Khổ đường (mm)	Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (ha)				
				GD 2021 - 2030			GD 2031 - 2050	
				Hiện tại	Bổ sung	Tổng đến 2030	Bổ sung	Tổng đến 2050
	Tổng cộng (A+B+C)			10.733,42	5.701,18	16.434,60	9.629,30	26.063,90
A	Nâng cấp các tuyến hiện có	2.440,00		10.459,23	15,60	10.474,83		10.474,83
B	Đường sắt xây dựng mới	2.472,0		274,19	2.853,73	3.127,92	5.740,40	8.868,32
1	Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân (trong đó: nâng cấp đoạn Chí Linh - Hạ Long - Cái Lân dài 90 Km)	129,0	Lông	274,19	149,73	423,92		423,92
2	Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	380,0	1.435		478,00	478,00	1.175,00	1.653,00
3	Biên Hòa - Vũng Tàu	84,0	1.435		230,55	230,55	93,00	323,55
4	Hà Nội - Đồng Đăng (Yên Viên - Đồng Đăng)	156,0	1.435				669,90	669,90
5	Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh	128,0	1.435		459,60	459,60		459,60
6	Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	174,0	1.435		756,90	756,90		756,90
7	Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ	103,0	1.435		357,00	357,00		357,00
8	Tháp Chàm - Đà Lạt	84,0	1.000				210,00	210,00
9	Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo	114,0	1.435				342,00	342,00
10	Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Bình Phước)	550,0	1.435				1.650,00	1.650,00
11	Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái	73,0	1.435				219,00	219,00

TT	Danh mục dự án đầu tư	Chiều dài (km)	Khổ đường (mm)	Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (ha)				
				GD 2021 - 2030			GD 2031 - 2050	
				Hiện tại	Bổ sung	Tổng đến 2030	Bổ sung	Tổng đến 2050
12	Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng	64,0	1.435				192,00	192,00
13	Nam Hải Phòng - Hạ Long	37,0	1.435				160,95	160,95
14	Hạ Long - Móng Cái	150,0	1.435				450,00	450,00
15	Xây dựng mới đoạn tuyến đường sắt vành đai phía Đông thành phố Hà Nội: đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi	59,0	Lồng		256,65	256,65		256,65
16	Xây dựng mới đoạn tuyến đường sắt vành đai phía Tây thành phố Hà Nội: đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi	54,0	Lồng				234,90	234,90
17	Tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành	38,0	1.435		165,30	165,30		165,30
18	Tuyến đường sắt Trảng Bom - Hòa Hưng	39,0	1.435				169,65	169,65
19	Tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh	40,0	1.435				174,00	174,00
C	Đường sắt kết nối vào các cảng biển							
	Nhánh đường sắt kết nối một số cảng biển (Nghị Sơn, Liên Chiểu, Cửa Lò, Chân Mây, Dung Quất, Vân Phong, Phan Thiết, Cam Ranh, Thịnh Long...)							
D	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam	1.545,0			2.831,85	2.831,85	3.888,90	6.720,75
1	Đoạn Hà Nội - Vinh	281,0	1.435		1.222,35	1.222,35		1.222,35
2	Đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang	370,0	1.435		1.609,50	1.609,50		1.609,50
3	Đoạn Vinh - Nha Trang	894,0	1.435				3.888,90	3.888,90



Phụ lục III
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH
(Kèm theo Quyết định số **396/QĐ-TTg** ngày **17** tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Các văn bản quy phạm pháp luật				
1	Luật Đất đai	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2023	Đang sửa đổi
2	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025	
3	Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025	
4	Luật Đường sắt	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025	Công điện số 1079/CD-TTg ngày 14/8/2021
5	Luật Ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025	
6	Nghị định 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025	
7	Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025	
8	Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025	

9	Thông tư số 47/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Bộ Giao thông vận tải	2022 - 2025	
II	Các đề án, chương trình,... có liên quan				
1	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực đường sắt	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022 - 2025	
2	Công bố danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực đường sắt	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Giao thông vận tải	2022 - 2025	
3	Đề án/chương trình cấp điện cho đường sắt	Bộ Công Thương	Bộ Giao thông vận tải	2022 - 2025	
4	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Bộ Công Thương	Bộ Giao thông vận tải	2022 - 2023	
5	Đề án/chương trình phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực đường sắt	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025	
6	Chương trình đào tạo nghề trong lĩnh vực đường sắt; nghiên cứu chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với người lao động	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025	
7	Lập, trình duyệt quy hoạch tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành (trong đó có lĩnh vực đường sắt)	Các địa phương, Bộ Giao thông vận tải		2022 - 2023	